TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Chiến.

2. Bà Đặng Thị Kim Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Tuyết D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Bùi Minh T trình bày: Ông và bà Trịnh Thị Tuyết D chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/02/2016. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên từ ngày 27/7/2017 bà D bỏ đi khỏi địa phương và không có bất cứ thông tin gì. Ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên ban hành Quyết định số 04/2023/QĐST-DS về việc tuyên bố bà D mất tích, kể từ đó đến nay bà D cũng chưa từng về nhà và ông cũng không có thông tin gì về bà D. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trịnh Thị Tuyết D.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà chung sống có 02 con chung tên Bùi Gia T, sinh ngày 16/01/2014, giới tính nam và Bùi Tuyết N, sinh ngày 23/7/2017, giới tính nữ. Hiện nay các con chung đang sống với ông. Ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai đứa con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trịnh Thị Tuyết D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt, đồng thời bà D đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tuyên bố mất tích theo quyết định số 04/2023/QĐST-DS ngày 20/7/2023.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông T và bà D chung sống với nhau từ năm năm 2012 và được Ủy ban nhân dân phường Tô Châu cấp giấy chứng nhận kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà D đã bỏ đi biệt tích từ năm 2017, ông T xin ly hôn và bà D đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên tuyên bố mất tích nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Về con chung hai đứa con tên Bùi Gia T, sinh ngày 16/01/2014, giới tính nam và Bùi Tuyết N, sinh ngày 23/7/2017, giới tính nữ đang sống cùng ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao các con cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, ghi nhận ý kiến của ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Trịnh Thị Tuyết D cư trú tại khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn bà Trịnh Thị Tuyết D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Bùi Minh T và bà Trịnh Thị Tuyết D chung sống với nhau từ năm 2012 và được UBND phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/02/2016, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên bà D đã bỏ đi khỏi địa phương từ ngày 27/7/2017, ông T đã đi tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì về bà Diễm. Ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2023/QĐST-DS về việc tuyên bố bà D mất tích. Quá trình xác minh về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của bà D được Ban lãnh đạo khu phố 4, phường Tô Châu cung cấp thông tin bà D có đăng ký thường trú tại khu phố M, phường C, tuy nhiên bà D đã đi khỏi địa phương, cho đến nay vẫn không thấy bà D về địa phương, cũng như từ thời điểm bị Tòa án tuyên bố mất tích thì bà D cũng chưa từng trở về địa phương. Xét thấy, bà Trịnh Thị Tuyết D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Minh T.

[4] Về con chung: Ông T và bà D chung sống có hai con chung tên Bùi Gia T, sinh ngày 16/01/2014 và Bùi Tuyết N, sinh ngày 23/7/2017, hiện nay đang sống cùng với ông T. Ly hôn ông T xin được tiếp tục nuôi hai đứa con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, các con hiện nay đang do ông T chăm sóc nuôi dưỡng nên cần giao hai đứa con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con.

[5] Về tài sản chung và về nợ chung: Ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Bùi Minh T được ly hôn với bà Trịnh Thị Tuyết D.

2. Về nuôi con chung: Giao các con tên Bùi Gia T, sinh ngày 16/01/2014, giới tính nam và Bùi Tuyết N, sinh ngày 23/7/2017, giới tính nữ cho ông Bùi Minh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001483 ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên ông không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- UBND phường Tô Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên